

Bản án số: 225/2022/HNGĐ-ST

Ngày 07 – 9 - 2022

V/v ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Chuộng

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 358/2022/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 về việc ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Út C, sinh năm 1989; cư trú tại: K 4, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Võ Chí C1, sinh năm 1988; cư trú tại: K 4, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Lê Út C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh C1 chung sống năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trần Phán. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, gia đình có hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không khắc phục được. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh C1.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Võ Lê Hà V, sinh ngày 06/11/2013 và Võ Lê Hà M, sinh ngày 17/11/2016 đang sống cùng chị. Khi ly hôn, cháu V có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi, cấp dưỡng không đặt ra. Chị yêu cầu nuôi cháu M, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Võ Chí C1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Út C khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung với anh Võ Chí C1 là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh C1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị C, anh C1.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2013, chị C và anh C1 kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh C1 được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo chị C xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, tuy nhiên anh C1 không có ý kiến. Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định anh C1 không thật sự còn quan tâm hay tha thiết gì đến mối quan hệ hôn nhân với chị C, không có thiện chí phối hợp với Tòa án để giải quyết vụ án.

Xét thấy: Trong cuộc sống vợ chồng giữa chị C và anh C1 đã có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được là thực tế có xảy ra. Việc này được thể hiện là kể ngày chị C nộp đơn yêu cầu ly hôn thì anh chị không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định hiện nay cả hai không còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử khẳng định mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa chị C và anh C1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C về quan hệ hôn nhân.

[5] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, cháu V gần tròn 09 tuổi, còn cháu M đã gần tròn 06 tuổi. Khi ly hôn, cháu V có nguyện vọng sống với cha thì cha nuôi, sống với mẹ thì mẹ nuôi, chị yêu cầu nuôi cháu M, cấp dưỡng không đặt ra. Tuy nhiên, anh C1 không có ý kiến về nuôi con và cấp dưỡng. Xét thấy: Theo nguyện vọng của cháu cháu V thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Còn cháu M hiện

đang sống ổn định với chị C. Do đó, để tránh thay đổi về môi trường sống, cũng như sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần của 02 cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C về con chung.

[5] Xét về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị C xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh C1 thì không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Xét về án phí dân sự: Chị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 5; Điều 91; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Út C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Út C được ly hôn với anh Võ Chí C1.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Lê Hà V, sinh ngày 06/11/2013 và Võ Lê Hà M, sinh ngày 17/11/2016 cho chị Lê Út C được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Võ Chí C1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự: Chị Lê Út C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0012823 ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị Lê Út C đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Ủy ban nhân dân xã Trần Phán;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh